

**CÔNG TY TNHH NGHIÊM SƠN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH NGHIÊM SƠN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2400895944

**3. Ngày thành lập:** 13/10/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn Đông Phú, Xã Xuân Phú, Huyện Yên Dũng, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0337434568

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                | Mã ngành |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ                                                           | 1610     |
| 2.  | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác                                        | 1621     |
| 3.  | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                  | 1622     |
| 4.  | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện | 1629     |
| 5.  | Xây dựng nhà để ở                                                                        | 4101     |
| 6.  | Xây dựng nhà không để ở                                                                  | 4102     |
| 7.  | Xây dựng công trình đường sắt                                                            | 4211     |
| 8.  | Xây dựng công trình đường bộ                                                             | 4212     |
| 9.  | Xây dựng công trình điện                                                                 | 4221     |
| 10. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                      | 4222     |
| 11. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                       | 4223     |
| 12. | Xây dựng công trình công ích khác                                                        | 4229     |
| 13. | Xây dựng công trình thủy                                                                 | 4291     |
| 14. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                          | 4292     |
| 15. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                    | 4293     |
| 16. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                               | 4299     |
| 17. | Phá dỡ                                                                                   | 4311     |
| 18. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                        | 4312     |
| 19. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                    | 4321     |
| 20. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                    | 4322     |
| 21. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                           | 4329     |
| 22. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                           | 4330     |
| 23. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                      | 4390     |

|     |                                                                                                                      |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 24. | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản)                                     | 4511        |
| 25. | Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản)                             | 4512        |
| 26. | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản)                                       | 4513        |
| 27. | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản)                          | 4520        |
| 28. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản)      | 4530        |
| 29. | Bán mô tô, xe máy<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản)                                                       | 4541        |
| 30. | Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy                                                                                  | 4542        |
| 31. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản)                   | 4543        |
| 32. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản)                                      | 4610        |
| 33. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                               | 4620        |
| 34. | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                       | 4631        |
| 35. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                   | 4632        |
| 36. | Bán buôn đồ uống                                                                                                     | 4633        |
| 37. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                 | 4641        |
| 38. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                   | 4649        |
| 39. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                  | 4651        |
| 40. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                   | 4652        |
| 41. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                               | 4653        |
| 42. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                      | 4659        |
| 43. | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan<br>Chi tiết: Kinh doanh xăng dầu                        | 4661        |
| 44. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                              | 4663        |
| 45. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                    | 4669        |
| 46. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                    | 4690(Chính) |
| 47. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp | 4711        |
| 48. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                   | 4719        |
| 49. | Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Kinh doanh xăng dầu                           | 4730        |
| 50. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                 | 4752        |

|     |                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 51. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                             | 4753 |
| 52. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759 |
| 53. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                     | 4931 |
| 54. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                                        | 4932 |
| 55. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                          | 4933 |
| 56. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ                                                                                                                 | 5225 |
| 57. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải                                                                                                                     | 5229 |
| 58. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                        | 5610 |
| 59. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                                | 5621 |
| 60. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                                    | 5629 |
| 61. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                 | 5630 |
| 62. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                  | 7710 |
| 63. | Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác                                                                                                                               | 7729 |
| 64. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                          | 7730 |

**6. Vốn điều lệ:** 3.000.000.000 VNĐ

### 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

### 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN VĂN NGỌC

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 02/08/1980

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 121580689

Ngày cấp: 24/08/2012

Nơi cấp: Công an tỉnh Bắc Giang

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm Đình, Xã Xuân Phú, Huyện Yên Dũng, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Xóm Đình, Xã Xuân Phú, Huyện Yên Dũng, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Thời gian đăng từ ngày 13/10/2020 đến ngày 12/11/2020

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Giang